

TÍN DỤNG NHÀ NƯỚC TRONG CÔNG CUỘC Xóa đói giảm nghèo và công bằng xã hội ở Việt Nam

ThS. Nguyễn Thu Nga

Tín dụng trong nền kinh tế thị trường bao gồm: Tín dụng nhà nước; Tín dụng ngân hàng; Tín dụng thương mại; Tín dụng thuê mua; Tín dụng tiêu dùng và tín dụng quốc tế.

Tín dụng nói chung, tín dụng nhà nước nói riêng có vai trò đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế, góp phần đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra thường xuyên, liên tục, góp phần điều chỉnh, ổn định và tăng trưởng kinh tế. Thông qua cấp vốn đầy đủ, kịp thời với lãi suất và điều kiện cho vay ưu đãi, tín dụng góp phần đảm bảo vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng, hình thành các ngành then chốt và các vùng kinh tế trọng điểm, góp phần hình thành cơ cấu kinh tế tối ưu.

Mặt khác, tín dụng còn góp phần nâng cao đời sống nhân dân và thực hiện các chính sách xã hội khác của Nhà nước. Vai trò này thể hiện khá đậm nét trong hình thức tín dụng nhà nước: là quan hệ tín dụng giữa nhà nước với dân cư và các chủ thể kinh tế khác đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước về quản lý kinh tế xã hội. Trong hình thức tín dụng nhà nước, Nhà nước vừa là người đi vay, vừa là người cho vay. Nhà nước

đi vay trong trường hợp thâm hụt ngân sách nhà nước hoặc cần đầu tư cho chương trình, ngành, lĩnh vực nào đó trong điều kiện tín dụng ngân hàng chưa đáp ứng đủ. Vai trò người cho vay được thể hiện dưới hình thức Nhà nước cho vay ưu đãi về mức vốn vay, lãi suất, điều kiện và thời hạn vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách, tín dụng đóng vai trò đáng kể trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Đó là các chương trình: Xóa đói giảm nghèo, xây dựng hạ tầng, nước sạch và bảo vệ môi trường nông thôn, định cư tại các xã nghèo... Ngoài ra, tín dụng còn góp phần mở rộng các quan hệ hợp tác quốc tế.

Chính sách tín dụng nhà nước là một bộ phận của chính sách tiền tệ nói chung, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội như ổn định và tăng trưởng kinh tế, đảm bảo công bằng xã hội.

Hiện nay, xóa đói giảm



nghèo, thực hiện công bằng xã hội là một vấn đề bức xúc mang tính toàn cầu đang được nhiều quốc gia và các tổ chức quốc tế quan tâm. Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX đã phê chuẩn chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010, trong đó xóa đói giảm nghèo là một mục tiêu được đặc biệt quan tâm: Đưa Việt Nam ra khỏi danh sách các nước nghèo, kém phát triển, đến năm 2010 về cơ bản không

còn hộ nghèo (theo tiêu chuẩn của Bộ Lao động và TBXH) và thường xuyên củng cố thành quả xóa đói giảm nghèo.

Thực hiện mục tiêu trên chúng ta đã có nhiều cố gắng huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (trước hết là nội lực), kết hợp tốt giữa phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, phát triển văn hóa... Bằng những cố gắng trên chúng ta đã duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và từng bước giảm dần tỷ lệ đói nghèo của cả nước.

Tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ hộ đói nghèo của Việt Nam 1996 - 2002

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu \ Năm	Năm						
	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002
- Tăng trưởng GDP (theo giá cố định 1994)	9,34	8,15	5,76	4,77	6,75	6,8	7,04
- Tỷ lệ hộ đói nghèo	19,23	17,7	15,6	13,0	10,0	17,2	11,7

Nguồn: Tổng cục Thống kê và Bộ Lao động TBXH

Riêng năm 2003, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam ước đạt 7,2 - 7,3%, tỷ lệ hộ đói nghèo còn khoảng 12% [Theo Tạp chí Tài chính số 12 (470)2003].

Thành tựu tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo của Việt Nam những năm qua là kết quả tổng hợp của rất nhiều nguyên nhân. Một trong những nguyên nhân đáng chú ý là việc huy động và sử dụng vốn đầu tư của Việt Nam đã và đang có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường hạ tầng kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Năm 2003, vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện cả năm khoảng 217 nghìn tỷ đồng, bằng 35,6% GDP (Trong khi tỷ lệ huy động vốn đầu tư trong năm 2001 đạt 34%, năm 2002 đạt 34,3%), tăng 18% so với năm 2002. Để tăng cường nguồn vốn đầu tư, Nhà nước đã có những giải pháp huy động thêm nguồn lực cho đầu tư phát triển bằng các hình thức mới như: “Công trái giáo dục”, “Trái phiếu chính phủ”... và đã huy động được hàng nghìn tỷ đồng, góp phần đẩy nhanh xây dựng hạ tầng

kinh tế - xã hội, nhất là xây dựng các công trình, thực hiện các dự án lớn về giao thông, thủy lợi, góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục, xóa đói giảm nghèo một cách bền vững.

Một số dự án tiêu biểu như: Dự án phát triển đô thị miền Trung với tổng kinh phí khoảng 90 triệu USD (Nâng cấp hạ tầng đô thị của 5 thành phố, thị xã và một thị trấn tại các tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Đông Hà, Lăng Cô, Tam Kỳ, Quảng Ngãi). Đây cũng chính là các tỉnh có tỷ lệ đói nghèo khá cao (7,7%-17,4%). Dự án này nhằm xây dựng tuyến kè đường dài 3,3km và 2,8 km tại Tam Kỳ và Đông

Hà nhằm khắc phục tình trạng ngập lụt thường xuyên cho cộng đồng dân cư. Dự án phát triển các trạm thủy điện nhỏ tại các tỉnh miền núi phía Bắc với vốn đầu tư khoảng 100 tỷ đồng/công trình, tập trung tại 2 tỉnh Lào Cai và Yên Bái – những tỉnh có tiềm năng lớn về phát triển thủy điện nhỏ. Cuối năm 2002 chúng ta đã xây dựng được 230 cụm tuyến dân cư vượt lũ tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích 1.085 ha và bố trí chỗ ở cho khoảng 39.000 hộ dân.

Trong năm 2003, vốn tín dụng đầu tư (Chưa kể tín dụng thương mại) của chúng ta đạt 28,5 nghìn tỷ đồng, trong đó nguồn tín dụng nhà nước là chủ yếu (đạt 23 nghìn tỷ đồng) còn lại là nguồn vốn cho vay chính sách (xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm...)

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kế hoạch vốn đầu tư phát triển của Nhà nước trong năm 2004 khoảng 30 nghìn tỷ đồng chiếm 12% tổng nguồn vốn và tăng khoảng 5,3% so với năm trước. Cơ cấu vốn này sẽ bao gồm 25 nghìn tỷ đồng từ nguồn vốn tín dụng nhà nước với 19 nghìn tỷ đồng vốn trong nước và vốn ODA cho vay lại khoảng 6 nghìn tỷ đồng, còn lại là nguồn vốn từ ngân hàng chính sách xã hội và các tổ chức cho vay khác.

Việc sử dụng vốn tín dụng ưu đãi năm 2004 diễn ra theo hướng thu hẹp diện ưu đãi, tập trung vốn cho dự án trọng điểm. Cơ cấu đầu tư từ nguồn vốn tín dụng trong nước: Cho vay các dự án ngành công nghiệp chiếm 55%, nông lâm thủy sản 18%, giao

thông vận tải 10% và còn lại là các ngành khác. Nguồn vốn huy động tại các ngân hàng để cho vay chuyển tiếp tại ngân hàng 400 tỷ đồng, thu hồi khoản nợ vay trung và dài hạn 4 nghìn tỷ đồng, vay từ công ty dịch vụ tiết kiệm bưu điện 2,5 nghìn tỷ đồng, phát hành trái phiếu đầu tư 5 nghìn tỷ đồng và 7 nghìn tỷ đồng từ các nguồn khác.

Để tiến tới xóa bỏ mọi hình thức bao cấp trong đầu tư, trong năm 2004 Chính phủ sẽ điều chỉnh lại chính sách tín dụng cho phù hợp, nâng cao khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp đầu tư phát triển. Các động thái cụ thể được xem xét sẽ là sửa đổi Nghị định 43/CP về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước. Thu hẹp các đối tượng thụ hưởng chính sách tín dụng ưu đãi để đảm bảo hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, có điều kiện và thời hạn cho các chương trình, dự án, sản phẩm đặc biệt quan trọng của nền kinh tế, phù hợp với khả năng về nguồn vốn cũng như hiệu quả của dự án. Với phương hướng trên Chính phủ đã ban hành Nghị định 106/CP về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thay thế cho Nghị định 43/CP và có hiệu lực từ ngày 27/4/2004. Một trong những nội dung sửa đổi lớn của Nghị định 106/CP là: Tăng lãi suất, thu hẹp đối tượng cho vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước. Về đối tượng cho vay với danh mục cụ thể 14 nhóm, thời hạn cho vay tối đa là 12 năm, lãi suất sẽ tăng lên tương đương với 70% lãi suất cho vay trung và dài hạn của các ngân hàng thương mại nhà nước

thay thế cho mức lãi suất hiện tại là 5,4%/năm tương đương với 50%. Nghị định mới cũng điều chỉnh về mức trích lập dự phòng rủi ro, xử lý rủi ro, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng, hình thức cho vay.

Trong nền kinh tế thị trường hoạt động tín dụng nhà nước cho đầu tư phát triển là hoạt động cho vay đầu tư với lãi suất ưu đãi theo kế hoạch của Nhà nước. Lãi suất cho vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước Việt Nam thời gian qua biến động theo xu hướng thấp hơn lãi suất cho vay trên thị trường cùng kỳ và giảm dần trong nhiều năm.

- Năm 1996: Căn cứ vào văn bản số 1574TC/ĐTPT ngày 14/5/1996 của Bộ Tài chính, lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước là 1,1% tháng, tương đương 13,2%/năm.

- Năm 1997: Căn cứ vào các văn bản số 1818 TC/ĐTPT ngày 3/6/1997 của Bộ Tài chính lãi suất tín dụng đầu tư phát triển nhà nước là 0,81%/tháng, tương đương với 9,32%/năm.

- Từ năm 1998 đến năm 1999: Lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước như năm 1997, lãi suất 0,81% tháng tương đương 9,32%/năm.

- Năm 2000: Theo Nghị định số 43/1999/NĐCP ngày 29/6/1999 lãi suất cho vay tín dụng đầu tư phát triển nhà nước là 9%/năm. Khi lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước Việt Nam tăng, giảm 10% Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh lãi suất cho vay. Mức lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng và được giữ nguyên trong

suốt thời hạn cho vay.

- Từ sau ngày 1/6/2001 lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước phổ biến ở mức 5,4%/năm.

- Năm 2004 Chính phủ chủ trương điều chỉnh mức lãi suất cho vay ưu đãi, điều chỉnh mức lãi suất quá hạn. Mặt khác, các cơ quan hữu trách sẽ tìm ra phương án giảm số lượng mức lãi suất để tiến tới áp dụng một mức lãi suất thống nhất cho tất cả các đối tượng vay tín dụng ưu đãi. Những điều chỉnh này nhằm thực hiện nguyên tắc lãi suất huy động vốn cho các tổ chức thực hiện tín dụng ưu đãi không được cao hơn lãi suất thị trường, tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong hoạt động huy động vốn. Chủ trương này cũng cho phép các tổ chức thực hiện tín dụng ưu đãi được huy động các nguồn vốn trên cơ sở đấu thầu trên thị trường vốn, mở rộng hình thức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư với mức suất hỗ trợ tương đương hoặc lớn hơn mức ưu đãi mà doanh nghiệp vay được hưởng nếu vay trực tiếp từ vốn ưu đãi của quỹ hỗ trợ phát triển.

Sự biến động về lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước trong những năm qua cho thấy chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với hoạt động tín dụng. Vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án trọng điểm được thực hiện. Qua đó thúc đẩy đầu tư cơ bản nói riêng, đầu tư phát triển nói chung, góp phần tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo và thực hiện công bằng xã hội./.